

# Cơ hội và thách thức của hệ thống ngân hàng thương mại khi Việt Nam tham gia Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương

PGS. TS. ĐOÀN THANH HÀ

Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh

*Phân tích cơ hội và thách thức của hệ thống ngân hàng thương mại (NHTM) khi Việt Nam chính thức tham gia Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) là vấn đề cấp thiết hiện nay. Bởi lẽ, đối tác quan trọng nhất của Việt Nam là Mỹ, một nước lớn nhất chi phối tiến trình, phạm vi và kết quả đàm phán của TPP nói chung và lĩnh vực tài chính ngân hàng nói riêng. Qua phân tích, chúng tôi cho rằng lĩnh vực ngân hàng là một trong những lĩnh vực đối mặt với nhiều khó khăn nhất khi Việt Nam tham gia Hiệp định TPP. Bài viết phân tích những cơ hội và thách thức của hệ thống NHTM khi Việt Nam gia nhập TPP.*

**Từ khóa:** Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), tự do hóa thương mại (FTA)

## 1. Đặt vấn đề

Năm 1986, Việt Nam bắt đầu công cuộc “Đổi mới” chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch tập trung sang nền kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa, đồng thời gửi tới cộng đồng quốc tế thông điệp “Hội nhập quốc tế”. Từ đó đến nay, Việt Nam đã ký kết nhiều Hiệp định tự do thương mại với các nước trong khu vực cũng như trên thế giới. Tháng 7/1995, Việt Nam chính thức trở thành thành viên của Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN). Chỉ sau đó vài tháng, vào ngày 15/12/1995, Việt Nam chính thức tham gia khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA).

Tiếp đó vào tháng 3/1996, Việt Nam cùng với 9 nền kinh tế Châu Á và 15 nền kinh tế thuộc Liên minh Châu Âu trở thành những sáng lập viên Diễn đàn Hợp tác kinh tế Á- Âu (ASEM). Ngày 18/11/1998, Việt Nam trở thành thành viên Diễn đàn Hợp tác kinh tế Châu Á- Thái Bình Dương (APEC). Tháng 7/1999, Việt Nam lại tiếp tục ký hiệp định hợp tác với Cộng đồng Châu Âu (EC). Đúng một năm sau, vào tháng 7/2000, Việt Nam ký kết Hiệp định Thương mại song phương với Hoa Kỳ (BTA), có hiệu lực từ tháng 12/2001. Ngày 7/11/2006, Việt Nam trở thành thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong hội nhập quốc tế.

Trong thời gian gần đây, một dấu mốc

quan trọng khác trong xu hướng toàn cầu hóa, đó là các làn sóng đàm phán và ký kết Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP). Nếu xem việc gia nhập WTO của Việt Nam là hội nhập “theo chiều rộng” thì hội nhập “theo chiều sâu” được ví với việc tham gia Hiệp định TPP. Phạm vi đàm phán của Hiệp định này bao gồm 22 lĩnh vực, và dịch vụ tài chính là một trong những lĩnh vực đàm phán được ưu tiên hiện nay. Đây là lĩnh vực Mỹ đặc biệt quan tâm trong đàm phán TPP vì đây là lợi thế thương mại của Mỹ. Tuy nhiên, đây cũng là lĩnh vực quan trọng, nhạy cảm mà Việt Nam cần xem xét thận trọng trong các đàm phán TPP. Do đó, bài viết này phân tích những cơ hội cũng như thách thức mà hệ thống NHTM có thể sẽ đối mặt nếu như các vòng đàm phán TPP thành công.

## 2. Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP)

### 2.1. Tổng quan về TPP

TPP (The Trans- Pacific Partnership Agreement- TPP) là Hiệp định thương mại tự do (FTA) được đưa ra giữa 12 nền kinh tế trong Diễn đàn Hợp tác Kinh tế Châu Á (APEC) bao gồm: Úc, Brunei, Canada, Chile, Nhật Bản, Malaysia, Mexico, New Zealand, Peru, Singapore, Mỹ và Việt Nam. Hiệp định này có nguồn gốc từ Hiệp định hợp tác Kinh tế chiến lược Xuyên Thái Bình Dương (Pacific-4- P4), một FTA thế hệ mới được sáng lập giữa 4 nước nhỏ nhất khu vực Châu Á- Thái Bình Dương

gồm Singapore, Chile, New Zealand và Brunei- được ký kết ngày 3/6/2005 và có hiệu lực từ ngày 28/5/2006. Vào những ngày cuối cùng tháng 9/2008, Mỹ thông báo tham gia vào P4 khi các thành viên bắt đầu làm việc với chương cuối cùng- các điều khoản về dịch vụ tài chính và đầu tư. Sau đó lần lượt là Úc, Peru, Việt Nam, Nhật Bản, Canada và Mexico cũng tham gia vào (David Camroux, 2012).

Các nước tham gia TPP kể trên đa dạng về nền kinh tế,

nhân khẩu học và địa lý kinh tế. Như dữ liệu thống kê ở Bảng 1, GDP trên đầu người so sánh ngang sức mua (PPP) từ 3.500 USD (Việt Nam) đến 60.000 USD (Singapore); một nước Úc lục địa giàu tài nguyên thiên nhiên cho đến Singapore- một nước nhỏ phụ thuộc vào thương mại. Điều đáng lưu ý ở đây là tổng GDP của khối TPP khoảng 27.000 USD, chiếm khoảng 70% GDP của cả APEC và 40% GDP trên toàn thế giới cùng với dân số khoảng 792 triệu người. Do

**Bảng 1. Thống kê chỉ số kinh tế các nước thành viên TPP và các thành viên APEC**

Thành viên	GDP (Tỉ USD)	Dân số (Triệu)	GDP trên đầu người (USD, theo PPP)	Tăng trưởng GDP thực	
<b>Các nước TPP</b>	Australia	\$1.542	22,8	\$42.640	3,58
	Brunei	\$17	0,4	\$54.389	1,30
	Canada	\$1.819	34,8	\$42.734	1,84
	Chile	\$268	17,4	\$18.419	5,47
	Japan	\$5.964	127,6	\$36.266	2,00
	Malaysia	\$304	29,5	\$16.922	5,61
	Mexico	\$1.177	114,9	\$15.312	3,95
	NewZealand	\$170	4,4	\$29.730	2,54
	Peru	\$199	30,5	\$10.719	6,28
	Singapore	\$277	5,4	\$60.410	1,32
	Vietnam	\$138	90,4	\$3.548	5,02
	Tổng cộng (trừ Mỹ)	\$11.874	478,0		
Mỹ	\$15.685	314,2	\$49.922	2,21	
<b>Các nước APEC khác</b>	China	\$8.227	1.354,0	\$9.162	7,80
	HongKong	\$263	7,2	\$51.494	1,44
	Indonesia	\$878	244,5	\$4.977	6,23
	Papua NewGuinea	\$16	6,8	\$2.797	9,09
	Philippines	\$250	95,8	\$4.430	6,59
	Russia	\$2.022	141,9	\$17.709	3,40
	SouthKorea	\$1.156	50,0	\$32.272	2,02
	Taiwan	\$474	23,3	\$38.749	1,26
	Thailand	\$366	64,4	\$10.126	6,44
Tổng cộng	\$13.652	1.987,9			
<b>Tổng APEC</b>	<b>\$41.210</b>	<b>2.780,2</b>			

Nguồn: Quỹ Tiền tệ Quốc tế (2013)

đó, đây là khu vực có tầm ảnh hưởng quan trọng trong khối APEC nói riêng và trên toàn thế giới nói chung. Đặc biệt trong khối TPP này, riêng Mỹ đã chiếm 57% của tổng GDP các nước tham gia TPP (Bảng 1). Do đó, trong 12 nước tham gia TPP kể trên thì Mỹ được đánh giá có sức ảnh hưởng khá lớn, chi phối tiến trình, phạm vi và kết quả đàm phán của TPP.

TPP có phạm vi cam kết rộng và mức độ cam kết “sâu” hơn các FTA khác cả trong thương mại và phi thương mại. Theo Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương (2013), những đặc trưng sau làm cho Hiệp định này được xem như “Hiệp định tự do thương mại Thế kỷ 21”:

*Thứ nhất*, mục tiêu của Hiệp định này là giúp các thành viên tham gia được tiếp cận thị trường một cách toàn diện ở tất cả các lĩnh vực, miễn thuế và dỡ bỏ các rào cản khác đối với thương mại và đầu tư cũng như duy trì và tạo ra nhiều việc làm mới cho người lao động.

*Thứ hai*, nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp ở các thành viên tham gia Hiệp định và khuyến khích sử dụng các sản phẩm đầu vào của các nước thành viên TPP, Hiệp định nhất trí xây dựng một khung biểu thuế thống nhất và các quy tắc nguồn gốc xuất xứ (Rules of Origin).

*Thứ ba*, dựa trên các thỏa thuận đã thực hiện trong khuôn khổ APEC và một số diễn đàn khác, 5 vấn đề mới được đưa vào và xuyên suốt trong Hiệp

định:

(i) Gắn kết quy định giữa các nước thành viên: Mục tiêu của vấn đề mới này nhằm giảm bớt điều kiện và chi phí thương mại giữa các nước thành viên tham gia TPP nhưng vẫn khẳng định được quyền của mình để điều tiết nền kinh tế nhằm thúc đẩy các chính sách phù hợp. Hay mục tiêu rõ ràng hơn là để “cải thiện thực tế quy định, loại bỏ những rào cản không cần thiết, cắt giảm khoảng cách ngày càng xa về chuẩn mực, nâng cao tính minh bạch, xây dựng quá trình điều tiết trong đối xử thương mại thuận lợi hơn, loại bỏ dư thừa trong kiểm tra và chứng nhận, và thúc đẩy hợp tác trên các vấn đề cụ thể”<sup>1</sup>. Theo Văn phòng đại diện thương mại Mỹ, vấn đề mới được đưa ra này chủ yếu xuất phát từ sự gia tăng các rào cản về pháp lý và phi thuế quan mà đây là các trở ngại lớn cho các doanh nghiệp tiếp cận với thị trường nước ngoài.

(ii) Các doanh nghiệp thuộc sở hữu nhà nước (SOEs): Các SOEs được cung cấp lợi thế thương mại như trợ cấp, hỗ trợ tín dụng, ưu đãi trong mua sắm hàng hóa Chính phủ, bảo vệ thương mại... Những hỗ trợ đó làm giảm hành vi cạnh tranh của nền kinh tế. Do đó, các điều khoản về SOEs giữa các nước được đề xuất nhằm nâng cao tính minh bạch và tuân thủ thị trường. Đặc biệt, vấn đề này

nhận được nhiều sự quan tâm từ phía Mỹ.

(iii) Thương mại điện tử: Các thành viên TPP đang thương lượng về các điều khoản thành lập các nguyên tắc và thủ tục cho thương mại hàng hóa, dịch vụ qua Internet và các phương tiện điện tử khác. Các cam kết này nhằm giải quyết các trở ngại về thương mại điện tử liên quan đến thuế hải quan, môi trường kỹ thuật số, chứng thực các giao dịch điện tử, bảo vệ khách hàng, các yêu cầu nội địa, và các điều khoản khác nhằm đảm bảo luồng thông tin tự do.

(iv) Tính cạnh tranh và chuỗi cung ứng: Hàng hóa trung gian là đầu vào sản xuất của hàng hóa cuối cùng và là một bộ phận cấu thành quan trọng của thương mại quốc tế, đóng góp hơn một nửa các giao dịch phi nhiên liệu của toàn thế giới (World Trade Online, 2012). Vấn đề này được nhóm các nhà kinh doanh khuyến khích các nhà đàm phán phải xem xét trên nhiều khía cạnh có thể ảnh hưởng đến các dòng chuyển dịch ra vào của các thành viên tham gia TPP. Do đó, các quy định về sự hài hòa trong tiêu chuẩn, cơ sở hạ tầng đầy đủ, các quy định về nguồn gốc xuất xứ... trong đàm phán làm tăng tính cạnh tranh trong chuỗi cung ứng.

(v) Các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs): Các điều khoản đàm phán trong TPP tập trung vào năng lực của các SMEs nhằm tạo cơ hội thuận lợi cho các SMEs tiếp cận được với thị

<sup>1</sup> US Proposal for TPP Regulatory Coherence Chapter Mostly Non-Binding”, Inside US Trade, November 3, 2011.

trường quốc tế thông qua các cam kết thương mại tự do tiềm năng.

*Thứ tư*, vấn đề công nghệ mới cũng nhận được sự quan tâm đặc biệt trong các đàm phán của TPP bởi đây là cơ hội mới cho thương mại và đầu tư giữa các nước thành viên cũng như nảy sinh những vấn đề tiềm ẩn cần giải quyết. Do đó, vấn đề công nghệ mới được đưa vào trong các đàm phán TPP sẽ mang lại lợi ích cho các nước thành viên từ sự khuyến khích thương mại phát triển.

*Thứ năm*, Hiệp định TPP không có rào cản cho các nước thuộc khu vực Châu Á- Thái Bình Dương có ý định gia nhập vào vì cơ chế “mở” của nó. Hiện nay, một số nước như Thái Lan, Hàn Quốc, Lào... cũng đang có ý định gia nhập vào Hiệp định TPP.

## 2.2. Việt Nam và Hiệp định TPP

Sau hơn một năm tham gia đàm phán TPP với vai trò là

thành viên liên kết duy nhất, ngày 13/11/2010 tại Hội nghị Thượng đỉnh APEC ở Nhật Bản, Việt Nam thông báo chính thức tham gia đàm phán TPP với tư cách là thành viên chính thức. Trong các đối tác TPP tính đến nay, Việt Nam đã ký kết các Hiệp định tự do thương mại với Brunei, Singapore, Malaysia trong khuôn khổ Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA); Úc và New Zealand trong khuôn khổ Hiệp định Thương mại tự do và quan hệ kinh tế thân thiện toàn diện ASEAN- Australia- New Zealand (AANZFTA); Nhật Bản trong khuôn khổ Hiệp định đối tác Kinh tế toàn diện ASEAN- Nhật Bản (AJCEP), FTA giữa Việt Nam- Chile được ký kết 2011. Ngoài ra, hiện nay Việt Nam cũng đang đàm phán FTA với Peru. Tuy nhiên, đối tác quan trọng nhất của Việt Nam là Mỹ dựa trên cán cân thương mại với Việt Nam lại chưa ký kết một FTA

nào (Hình 1).

Hai vấn đề then chốt cần xem xét khi Việt Nam trở thành thành viên chính thức TPP đó là vấn đề thuế quan và vai trò của Mỹ.

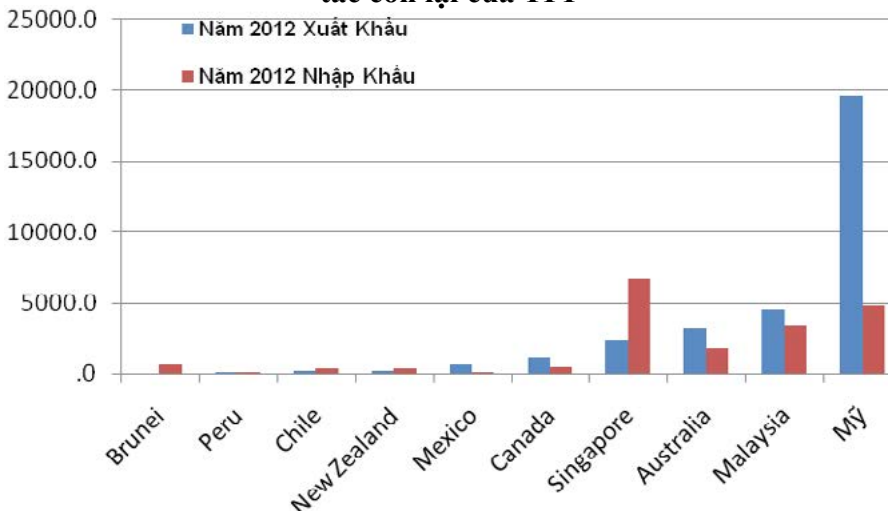
*Về thuế quan*: Đây là vấn đề quan trọng nhất từ trước đến nay trong đàm phán của Việt Nam khi tham gia các FTA. Bởi Hiệp định TPP có mức độ tự do hóa thương mại rất “sâu”, do đó TPP cũng đặt ra yêu cầu rất cao khi toàn bộ thuế nhập khẩu sẽ bị xóa bỏ ngay khi Hiệp định TPP có hiệu lực, trừ một số nhóm hàng có lộ trình từ 3- 5 năm, một số ít có lộ trình tối đa 10 năm. Yêu cầu này vừa tạo ra cơ hội, vừa đặt ra thách thức cho các doanh nghiệp Việt Nam.

*Với Mỹ*: Như đã phân tích ở trên, Mỹ là nước lớn nhất thế giới và chiếm hơn 50% tổng GDP của tất cả thành viên tham gia TPP. Do vậy, nước này có mức độ ảnh hưởng nhất tới tiến trình, phạm vi và kết quả đàm phán. Điều đáng lưu ý ở đây là một trong những vấn đề quan trọng nhất mà Mỹ quyết định tham gia chính thức Hiệp định TPP chính là lĩnh vực đầu tư và dịch vụ tài chính vì thế mạnh của Mỹ ở lĩnh vực này. Điều này tạo ra cho hệ thống NHTM Việt Nam một số cơ hội nhưng cũng không ít thách thức.

## 3. Cơ hội và thách thức của hệ thống NHTM Việt Nam khi gia nhập TPP

Gia nhập Hiệp định TPP

**Hình 1. Cán cân thương mại năm 2012 của Việt Nam với các đối tác còn lại của TPP**



Nguồn: Cục Công nghệ Thông tin và Thống kê Hải quan (2013)

có thể mang lại cho hệ thống NHTM một số **cơ hội** sau:

- Hệ thống NHTM tiếp cận với nguồn vốn bên ngoài với chi phí thấp từ nguồn vốn ủy thác đầu tư vì vị thế Việt Nam sẽ được cải thiện hơn sau khi trở thành thành viên của TPP.

- Các dòng vốn đầu tư nước ngoài trực tiếp (FDI) và gián tiếp (FII) chảy vào nền kinh tế sẽ tăng cao và giúp hệ thống NHTM cải thiện được khả năng thanh khoản và mở rộng hoạt động kinh doanh.

- Xuất nhập khẩu Việt Nam sẽ tăng trưởng mạnh mẽ sau khi Việt Nam gia nhập TPP. Một cách gián tiếp, tác động tích cực này sẽ hỗ trợ cho hệ thống NHTM nhiều cơ hội kinh doanh trong hỗ trợ vốn, cung cấp dịch vụ...

- Việt Nam tham gia vào Hiệp định TPP sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các ngân hàng nước ngoài gia nhập vào thị trường Việt Nam, đặc biệt là Mỹ. Áp lực cạnh tranh với các ngân hàng nước ngoài bắt buộc các NHTM trong nước tự nâng cao năng lực cạnh tranh để tồn tại và phát triển. Hơn nữa, các NHTM trong nước có thể học hỏi được kinh nghiệm quản lý, cơ hội hợp tác trong hoạt động kinh doanh.

Bên cạnh những cơ hội đem đến từ việc tham gia Hiệp định TPP, hệ thống NHTM Việt Nam cũng đối mặt không ít thách thức mà nguyên nhân của nó đến từ bên trong cũng như bên ngoài bản thân các ngân hàng:

### **Thách thức từ bên trong:**

- Quy mô vốn điều lệ của các NHTM Việt Nam rất thấp so với các nước trong Hiệp định TPP như Mỹ, Úc, Singapore, Malaysia... cộng với năng lực tài chính yếu, khả năng cạnh tranh còn hạn chế sẽ ảnh hưởng rất lớn đến kết quả kinh doanh của ngân hàng.

- Hệ số an toàn vốn bình quân của các NHTM Việt Nam thấp, chưa đạt tỷ lệ theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước và thông lệ quốc tế. Bên cạnh đó, các NHTM Việt Nam cũng đối mặt với chất lượng tài sản và hiệu quả sử dụng tài sản kém đi cùng với rủi ro kỳ hạn và rủi ro lãi suất.

- Chất lượng quản trị của các ngân hàng yếu kém, khó thích nghi với sự thay đổi môi trường kinh tế đầy biến động khi độ “mở” của thị trường tài chính cao hơn khi tham gia chính thức TPP.

- Dịch vụ của NHTM Việt Nam yếu về chất lượng, thiếu sự đa dạng, chưa định hướng theo nhu cầu khách hàng và nặng nề về dịch vụ ngân hàng truyền thống; do đó, khả năng cạnh tranh của hệ thống NHTM Việt Nam không cao.

- Nợ xấu trong hệ thống ngân hàng vẫn đang là gánh nặng của nền kinh tế nói chung và nội tại hệ thống ngân hàng nói riêng, ảnh hưởng trực tiếp lên hiệu quả hoạt động kinh doanh hầu hết ngân hàng hiện nay và kéo dài ít nhất trong vài năm tới.

- Sự phụ thuộc của Ngân hàng Trung ương làm giảm đi tính cạnh tranh của hệ thống

NHTM Việt Nam.

### **Thách thức từ bên ngoài:**

- Vì mức độ “mở” của Hiệp định TPP là khá cao, do đó dòng tiền từ nguồn FDI và FII chảy vào và ra giữa các quốc gia rất lớn, làm dấy lên lo ngại rủi ro từ nền kinh tế trong nước (rủi ro tỷ giá, lạm phát tăng cao...) cũng như trên thế giới (khủng hoảng kinh tế, ảnh hưởng chính trị...) dẫn đến sự tháo chạy đột ngột của các dòng vốn đầu tư nước ngoài. Kết quả là, hệ thống NHTM Việt Nam bị ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp như mất tính thanh khoản, gia tăng nợ xấu...

- Các đàm phán trong TPP nói chung và dịch vụ tài chính nói riêng được thực hiện theo phương pháp chọn bỏ (negative list) thay vì phương pháp chọn cho (positive list) như một số đàm phán thương mại tự do khác. Điều này chỉ phù hợp với các nước có nền kinh tế phát triển như Mỹ, Singapore, Úc... với mức độ mở cửa thị trường cao và hệ thống pháp lý khá ổn định, nhưng dẫn đến những bất lợi cho hệ thống NHTM Việt Nam khi lĩnh vực tài chính với mức độ mở cửa chưa cao cũng như hệ thống pháp luật điều tiết lĩnh vực tài chính- ngân hàng vẫn đang từng bước tuân thủ các chuẩn mực quốc tế.

- Vì các thành viên tham gia Hiệp định TPP được chia thành 2 nhóm nền kinh tế có trình độ phát triển thị trường tài chính khác nhau, trong đó Việt Nam, Peru, Chile, Mexico, Brunei, Malaysia được xem là các nước có thị trường tài chính đang phát

**V**iệt Nam đã ký các hiệp định đa phương, trong đó có các điều khoản liên quan đến lĩnh vực dịch vụ tài chính với một số nước thành viên trong TPP như: Hiệp định AANZFTA thực hiện từ năm 2010, Hiệp định AJCEP thực hiện từ năm 2008 và các Hiệp định tự do song phương khác gồm VJEPA thực hiện từ năm 2009 (Hiệp định Đối tác Việt Nam- Nhật Bản) và FTA giữa Việt Nam- Chile thực hiện từ tháng 10/2011. Do đó, nếu đàm phán TPP của Việt Nam trong khối TPP có đạt được thì cũng không có sự thay đổi đáng kể nào về thương mại trong lĩnh vực tài chính ngoài Mỹ. Điều này làm dấy lên mối lo ngại không nhỏ cho các NHTM Việt Nam khi mà mức độ tự do tài chính của Mỹ rất cao cùng với sức mạnh về vốn, chất lượng dịch vụ tài chính, kinh nghiệm điều hành quản lý... cũng như viễn cảnh hoạt động thâm tóm, sáp nhập (M&A) diễn ra mạnh mẽ.

triển và Mỹ, Canada, Australia, New Zealand, Singapore là các nước có thị trường tài chính phát triển. Từ đó, một số vấn đề căn bản và nhạy cảm về dịch vụ tài chính vẫn chưa có tiếng nói chung như đưa mua sắm chính phủ và trợ cấp chính phủ vào chương dịch vụ tài chính hay cơ chế “bánh cóc” (ratchet) ràng buộc các nước trong khối TPP khi tiến hành sửa đổi các biện pháp bảo lưu và nghĩa vụ cấp phép dịch vụ tài chính mới cho bất kỳ nền kinh tế nào không gắn với việc sửa đổi luật trong nước đó cũng như cơ chế giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư và nhà nước.

- Với mức độ phát triển dịch vụ tài chính còn thấp so với nhiều nước trong khối TPP, hệ thống NHTM Việt Nam đối mặt với nhiều khó khăn khi TPP đặt ra các yêu cầu cam kết cụ thể về mở cửa thị trường và bảo hộ đầu tư đối với một số loại hình dịch vụ tài chính mới mà Việt Nam chưa có trên thị trường tài chính trong nước như mô hình bảo hiểm do các công ty bưu điện cung cấp, bảo hiểm hợp tác xã, dịch vụ quản

lý danh mục đầu tư qua biên giới...

- Việt Nam đã ký các hiệp định đa phương, trong đó có các điều khoản liên quan đến lĩnh vực dịch vụ tài chính với một số nước thành viên trong TPP như: Hiệp định AANZFTA thực hiện từ năm 2010, Hiệp định AJCEP thực hiện từ năm 2008 và các Hiệp định tự do song phương khác gồm VJEPA thực hiện từ năm 2009 (Hiệp định Đối tác Việt Nam- Nhật Bản) và FTA giữa Việt Nam- Chile thực hiện từ tháng 10/2011. Do đó, nếu đàm phán TPP của Việt Nam trong khối TPP có đạt được thì cũng không có sự thay đổi đáng kể nào về thương mại trong lĩnh vực tài chính ngoài Mỹ vì Việt Nam chưa ký bất kỳ FTA nào. Điều này làm dấy lên mối lo ngại không nhỏ cho các NHTM Việt Nam khi mà mức độ tự do tài chính của Mỹ rất cao cùng với sức mạnh về vốn, chất lượng dịch vụ tài chính, kinh nghiệm điều hành quản lý... cũng như viễn cảnh hoạt động thâm tóm, sáp nhập (M&A) diễn ra mạnh mẽ.

#### **4. Kết luận**

TPP được xem như hiệp định thương mại tự do quan trọng nhất từ trước đến nay của Việt Nam từng ký kết bởi độ “mở” cao trong quá trình hội nhập quốc tế của nó. Do đó, TPP cũng mang đến nhiều cơ hội và thách thức cả nền kinh tế nói chung và lĩnh vực tài chính ngân hàng nói riêng. Với những vấn đề đang tồn tại trong hệ thống NHTM Việt Nam, tham gia đàm phán TPP có thể đem lại nhiều bất lợi từ thách thức hơn những lợi ích mang lại từ cơ hội mang đến cho các ngân hàng trong nước. ■

#### **Tài liệu tham khảo**

1. David Camroux, 2012, *Regionism in Asia as Disguised Multilateralism: A Critical Analysis of the East Asia Summit and the Trans-Pacific Partnership*, *The International Spectator: Italian Journal of International Affairs*, 47:1, 97-115.

2. Lê Phương Ninh và Vũ Thị Thu Hà, 2013, *Những thách thức đối với lĩnh vực tài chính- ngân hàng khi tham gia TPP*, <http://www.tapchitaichinh.vn/Nghien-cuu-dieu->

*xem tiếp trang 26*



quả hoạt động (nhờ rút ngắn thời gian giao dịch), cũng như cải tiến các chương trình phần mềm ứng dụng về lưu ký giấy tờ có giá tại Sở Giao dịch NHNN nhằm theo dõi và thanh toán giấy tờ có giá của NHNN và của các TCTD.

Sáu là, tăng cường công tác thanh tra, kiểm soát. Công tác thanh tra, kiểm soát cần được tăng cường nhằm hỗ trợ NVTTM hoạt động có hiệu quả, tuân thủ chặt chẽ các quy định do NHNN đề ra, từ đó có những định hướng cần thiết trong tương lai. Hoạt động thanh tra và kiểm soát cần được thực hiện ở hai giác độ: (i) Đảm bảo tính kỷ luật, nghiêm túc với các quy định đề ra của các chủ thể tham gia thị trường mở; (ii) đảm bảo sự an toàn trong hoạt động kinh doanh của các TCTD tham gia thị trường mở. Việc thanh tra và kiểm soát hoạt động kinh doanh của các TCTD vốn là một trong những hoạt động mang tính thường nhật của NHNN. Thông qua hoạt động này không chỉ giúp NHNN nắm bắt được việc tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động kinh doanh của các TCTD, mà còn kịp thời có những biện pháp cần thiết đối với các TCTD vi phạm nghiêm trọng các quy định của NHNN, gây ảnh hưởng đến khả năng điều hành của NHNN trên thị trường mở. Để đảm bảo khả năng thanh tra và kiểm soát tốt hoạt động kinh doanh của các TCTD, NHNN cần thực hiện tốt nội dung sau:

- Hoàn thiện và chuẩn hoá hệ thống chỉ tiêu an toàn đối với hoạt động của các TCTD theo chuẩn mực quốc tế (hệ thống chỉ tiêu về sự an toàn của vốn, chỉ tiêu phản ánh chất lượng tài sản có, chỉ tiêu về khả năng thanh toán, giới hạn về cho vay,...);

- Đảm bảo thực hiện nghiêm túc quy định cảnh báo sớm đối với các TCTD có nguy cơ mất an toàn cao để các TCTD kịp thời chấn chỉnh và xử lý;

- Đảm bảo các chế tài xử lý đối với các TCTD. Trên cơ sở các kết luận từ hoạt động thanh tra và kiểm soát, NHNN áp dụng các chế tài cần thiết đối với TCTD như kiểm soát đặc biệt, phạt vi phạm hành chính, đề nghị điều chỉnh nhân sự,...

Bảy là, tăng cường phối hợp giữa NHNN với các bộ ngành liên quan. Hiện nay, NHNN chỉ

có một thành viên trong Hội đồng tư vấn CSTT quốc gia. Vì vậy, NHNN không thể chủ động và độc lập trong việc xây dựng và điều hành CSTT nói chung và NVTTM nói riêng. Do đó, cần có một cơ chế phối hợp hành động giữa các Bộ, ngành và NHNN trong điều hành CSTT nhằm hạn chế những tác động ngược chiều của các chính sách kinh tế vĩ mô, qua đó nâng cao hiệu quả điều hành CSTT cũng như thị trường mở, cụ thể:

- Cần đảm bảo sự phối hợp, thống nhất về mục tiêu từng chính sách kinh tế vĩ mô trong từng thời kỳ;

- Xây dựng cơ chế phối hợp cung cấp thông tin giữa các Bộ, ngành và NHNN để đảm bảo NHNN có thể dự báo được vốn khả dụng và kiểm soát được toàn bộ lượng tiền cung ứng trong nền kinh tế. ■

## Tài liệu tham khảo

1. NHNN (2006), Đề án “Mục tiêu, giải pháp phát triển ngành ngân hàng Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020”.

2. NHNN, Báo cáo thường niên các năm 2008-2012.

3. NHNN, Báo cáo các đoàn khảo sát về điều hành chính sách tiền tệ ở một số nước trên thế giới như Mỹ, Đức, Nhật, Malaysia, Úc, Singapore.

4. Các Quyết định hiện hành của NHNN Việt Nam về nghiệp vụ thị trường mở, thị trường đấu thầu TPKB, SWAPS ngoại tệ, môi giới tiền tệ...

---

## tiếp theo trang 19

tra/Nhung-thach-thuc-doi-voi-linh-vuc-tai-chinh-ngan-hang-khi-tham-gia-TPP/26748.tctc.

3. Trung tâm WTO, Việt Nam và TPP- Những suy tính thiết hơn, <http://www.trungtamwto.vn/tpp/viet-nam-va-tpp-nhung-suy-tinh-thiet-hon>.

4. Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương, Tổng quan về Hiệp định đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP), [www.vnep.org.vn/Upload/TTP%202%20full-1.pdf](http://www.vnep.org.vn/Upload/TTP%202%20full-1.pdf)